

MỤC LỤC

	Trang
Mở đầu	2
Phần 1: Vị trí của ngành thủy sản trong chiến lược hướng về xuất khẩu	
1.1 Khái quát về ngành thủy sản .	4
1.1.1 Lợi thế để phát triển ngành thủy sản	5
1.1.2 Những thách thức của ngành thủy sản Việt nam	7
1.2 Chủ trương phát triển ngành thủy sản hướng về xuất khẩu	7
1.3 Thị trường thủy sản quốc tế và những cơ hội cho xuất khẩu thủy sản Việt nam	10
1.3.1 Thị trường thủy sản thế giới	11
1.3.2 Mỹ-thị trường thủy sản đầy tiềm năng	12
1.3.3 Hiệp định thương mại Việt-Mỹ	13
1.3.3.1 Những cơ hội chủ yếu đối với hoạt động xuất khẩu của Việt nam	13
1.3.3.2 Thách thức	14
Phần 2: Thực trạng xuất khẩu thủy sản Việt nam vào thị trường Mỹ trong thời gian qua	
2.1 Tình hình sản xuất nuôi trồng và đánh bắt thủy sản của Việt nam	16
2.2. Tình hình xuất khẩu chung của thủy sản Việt nam	16
2.3 Thực trạng xuất khẩu thủy sản Việt nam sang thị trường Mỹ	18
2.4 Những hạn chế, khó khăn trong xuất khẩu thủy sản của Việt nam sang thị trường Mỹ	20
Phần 3: Một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản Việt nam sang thị trường Mỹ	
3.1 Dự báo khả năng xuất khẩu thủy sản Việt nam sang thị trường Mỹ trong những năm tới	24
3.2 Một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản Việt nam sang thị trường Mỹ	24
3.2.1 Giải pháp mang tầm vĩ mô	24
3.2.2 Giải pháp cấp doanh nghiệp .	25
Kết luận	28

MỞ ĐẦU

Trong 10 năm thực hiện chiến lược ổn định và phát triển nền kinh tế- xã hội 1991-2010, nông nghiệp nước ta có những đóng góp quan trọng vào những thắng lợi chung của sự nghiệp đổi mới, là nền tảng vững chắc cho sự ổn định để phát triển của những năm tiếp theo, trong đó đặc biệt phải kể đến những thành tựu nổi bật về xuất khẩu thủy sản. Với phương châm xuất khẩu để tăng trưởng kinh tế, 10 năm qua xuất khẩu thủy sản nước ta đã có những chuyển biến tích cực, cho đến nay các mặt hàng thủy sản xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng, cũng như tỷ trọng khá cao trong cơ cấu xuất khẩu của Việt nam , kim ngạch xuất khẩu thủy sản chiếm khoảng 18% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước và là một trong những nguồn thu ngoại tệ chủ yếu của nước ta. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn đang ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá giá trị xuất khẩu hàng hoá công nghiệp còn thấp thì việc không ngừng tăng nhanh giá trị xuất khẩu hàng hoá thủy sản có ý nghĩa quan trọng không chỉ với hiện tại mà cho cả tương lai.

Hàng thủy sản Việt nam hiện đã có mặt trên 60 quốc gia và Mỹ là một trong những bạn hàng lớn nhất của Việt nam trong lĩnh vực này. Mỹ là một quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai trên thế giới với giá trị nhập 10 tỷ USD bình quân mỗi năm. Do đó, Mỹ là một thị trường luôn sôi động và hấp dẫn cả về nhu cầu, số lượng, chủng loại, chất lượng và giá cả thu hút trên 130 nước xuất khẩu. Trong hoạt động xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ trong những năm qua, Việt nam đã đạt được những thành tựu đáng kể, tuy nhiên thực trạng của ngành thủy sản xuất khẩu sang Mỹ vẫn đang gặp những khó khăn, thách thức. Giải pháp nào để đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế là một câu hỏi lớn và hóc búa đối với ngành thủy sản Việt nam .

Đề án này nhằm cung cấp một số thông tin về tình hình sản xuất, xuất khẩu thủy sản của nước ta và các phương hướng, biện pháp thúc đẩy hoạt động xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ .

Nội dung của đề tài bao gồm:

Phần 1: Vị trí của ngành thủy sản trong chiến lược hướng về xuất khẩu .

Phần 2: Thực trạng xuất khẩu thủy sản của Việt nam vào thị trường Mỹ trong thời gian qua.

Phần 3: Một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu thuỷ sản Việt nam sang thị trường Mỹ.

Qua đây em xin cảm ơn thầy giáo Mai Xuân Được đã giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

PHẦN 1 : VỊ TRÍ CỦA NGÀNH THỦY SẢN TRONG CHIẾN LƯỢC HƯỚNG VỀ XUẤT KHẨU

1.1 Khái quát về ngành thủy sản .

Thủy sản là một trong những ngành sản xuất kinh doanh , một ngành hoạt động kinh tế nằm trong tổng thể kinh tế — xã hội của loài người .Thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thực phẩm cho nhân loại , không những thế nó còn là một ngành kinh tế tạo cơ hội công ăn việc làm cho nhiều cộng đồng nhân dân đặc biệt là ở vùng nông thôn và vùng ven biển. Nhu cầu thủy sản cho nhân loại ngày càng tăng trong khi nguồn lợi của các tài nguyên này lại có giới hạn và đã bị khai thác tới trần , vì vậy ngành nuôi trồng thủy sản phát triển để bù đắp vào những thiếu hụt đó . Ngày nay nuôi trồng thủy sản đã cung cấp được khoảng 27% tổng sản lượng thủy sản thế giới , nhưng chiếm tới gần 30% sản lượng dùng làm thực phẩm . Đối tượng nuôi trồng rất phong phú gồm đủ các chủng loại : cá, nhuyễn thể giáp xác , rong tảo và một số loài khác .

Nuôi trồng thủy sản có quy mô rất khác nhau tùy thuộc vào điều kiện của từng nước : từ quy mô nhỏ gia đình gắn liền với hệ thống canh tác tổng hợp đến những trang trại nuôi chuyên công nghiệp hoá có quy mô lớn .

Cùng với việc gia tăng sản xuất , thương mại thủy sản toàn cầu cũng phát triển một cách nhanh chóng đặc biệt là các hàng hoá thủy sản sống và tươi đang tăng nhanh . Sự bùng nổ dân số thế giới cộng với hậu quả của quá trình công nghiệp hoá , đô thị hoá ngày càng làm thu hẹp đất canh tác trong nông nghiệp cộng thêm sự diễn biến bất lợi của thiên nhiên & sẽ làm cho lương thực thực phẩm là mặt hàng chiến lược trên thị trường thế giới .Trong điều kiện đó sản phẩm thủy sản ngày càng chiếm vị trí quan trọng vì vậy phát triển sản xuất thủy sản ở những nơi có điều kiện không còn đơn thuần là sự đòi hỏi cấp bách và lâu dài cho việc giải quyết thực phẩm tại chỗ , giải quyết công ăn việc làm mà ngành sản xuất này đang và đầy hứa hẹn có thể trở thành ngành kinh doanh có lãi suất cao với xu hướng ổn định lâu dài trên thị trường quốc tế . Đó là tiền đề quan trọng bậc nhất của sản xuất kinh doanh thủy sản và tiếp tục là một trong những xuất phát điểm quan trọng cho việc xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế — xã hội ở nước ta .

1.1.1 Lợi thế để phát triển ngành thủy sản .

Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến vấn đề phát triển ngành thủy sản, coi ngành thủy sản là mũi nhọn, coi công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông thôn là bước đi ban đầu quan trọng nhất, coi chuyển một bộ phận diện tích đất đai đang canh tác nông nghiệp và muối kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản là hướng đi chủ yếu của chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn (nghị định 09 NQ-CP ngày 15-06-2000) và có những chương trình, chính sách hỗ trợ rất lớn cho công việc chuyển đổi và phát triển ngành thủy sản trên toàn quốc .

Ngành thủy sản đã có một thời khá dài chuyển sang cơ chế kinh tế mới (khoảng 20 năm) của nền kinh tế hướng theo thị trường có sự quản lý của nhà nước, đã tạo được một nguồn nhân lực khá dồi dào trong tất cả mọi lĩnh vực từ khai thác chế biến, nuôi trồng đến thương mại. Trình độ nghiên cứu và áp dụng thực tiễn cũng đã tăng đáng kể. Hàng thủy sản liên tục giữ thế gia tăng và ổn định trên thị trường thực phẩm thế giới.

Việt Nam có bờ biển dài 3260 km với 112 cửa sông rạch và 4000 hòn đảo lớn nhỏ tạo nên nhiều eo vịnh và đầm phá, đảm bảo cho nguồn tài nguyên thủy hải sản rất phong phú. Các vùng biển Việt nam có năng lực tái sinh học cao của vùng sinh thái nhiệt đới và môi trường biển còn tương đối sạch do đó hải sản được đánh giá là an toàn cho sức khỏe — một ưu điểm hàng đầu trên thị trường thủy sản thế giới hiện nay. Trong vùng biển độc quyền kinh tế rộng khoảng 1 triệu km², tổng trữ lượng thủy sản biển được đánh giá khoảng 4 triệu tấn, trong đó lượng thủy sản ở tầng nổi chiếm 62,7% và tầng đáy chiếm 37,3% đảm bảo cho khả năng khai thác 1.4 đến 1.6 triệu tấn thủy sản các loại hàng năm trong đó có nhiều loại hải sản quý có giá trị kinh tế cao như : tôm hùm, cá ngừ sò huyết& Với 1,4 triệu ha mặt nước nội địa, tiềm năng nuôi trồng thủy sản Việt nam rất dồi dào, khoảng 1,5 triệu tấn mỗi năm .

Nhìn chung có thể phát triển thủy sản khắp các nơi trên toàn đất nước, ở mỗi vùng có những tiềm năng đặc thù và sản vật đặc sắc riêng. Tuy nhiên , Việt nam có một số vùng sinh thái đất thấp, đặc biệt là đồng bằng sông Cửu Long và châu thổ sông Hồng, nơi có thể đưa nước mặn vào rất sâu tạo ra một vùng nuôi nước lợ hoặc nuôi trồng thủy hải sản kết hợp với trồng lúa và các hợp đồng canh tác nông nghiệp khác rộng lớn gần 1 triệu ha. Trong hệ sinh thái này có thể tiến hành các hợp đồng nuôi trồng thủy hải sản vừa có chất lượng cao vừa có giá thành hạ mà các hệ thống canh tác khác không thể có những lợi thế cạnh tranh

đó được. Lợi thế này đặc biệt phát huy thế mạnh trong cạnh tranh với hệ thống nuôi trồng công nghiệp khi giá cả thủy sản trên thị trường thế giới ở mức thấp nhất là mặt hàng tôm.

Việt nam chưa phát triển nuôi trồng thủy sản công nghiệp nên còn nhiều tiềm năng đất đai để phát triển nuôi mà không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Việc đưa thành công kỹ thuật nuôi hải sản trên các vùng cát ven biển đã mở ra một tiềm năng và triển vọng mới cho việc phát triển vùng nuôi tôm và các hải sản khác theo phương thức nuôi công nghiệp.

Việt nam có nhiều lao động và nguồn nhân lực còn ít được đào tạo, sẽ thích hợp cho những lợi thế khởi điểm mang tính tĩnh khi dùng loại lao động này trong lĩnh vực phát triển nuôi trồng và chế biến thủy sản.

Chính nhờ những lợi thế trên mà ngành thủy sản Việt nam trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn và thế mạnh của kinh tế nước ta. Trong những năm qua ngành thủy sản đã đạt được tốc độ phát triển cao, ổn định và mức tăng tổng sản lượng thủy sản bình quân hàng năm trên 4% , giá trị kim ngạch xuất khẩu bình quân chiếm 10% đến 15% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt nam hàng năm. Năm 1999 tổ chức lương thực thế giới đã xếp Việt nam vào vị trí thứ 29 trên thế giới và thứ 4 trong các nước ASEAN sau Thái Lan, Indônêxia, Malaysia về đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Xuất khẩu thủy sản không ngừng tăng lên từ năm 1990 đến nay. Mặt khác cơ cấu sản phẩm xuất khẩu rất phong phú: mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt nam là tôm các loại như: tôm hùm, tôm càng xanh, tôm sú, tôm bạc có giá trị xuất khẩu cao và chiếm hơn một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu, mực và cá chiếm 17% và 15,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Theo báo của tổng cục hải quan năm 1998, mặt hàng thủy sản Việt nam đã có mặt trên 34 nước trên thế giới với tổng kim ngạch 856,6 triệu USD. Thị trường nhập khẩu thủy sản của Việt nam là các nước Châu âu, 13 nước Châu á và Mỹ, trong đó Mỹ đang là thị trường mục tiêu mà chúng ta hướng vào nhất là sau khi hiệp định thương mại Việt- Mỹ được thông qua, cơ hội cho các ngành xuất khẩu của Việt nam đưa hàng vào thị trường Mỹ trong đó có thủy sản ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên Việt nam không phải là đối tác duy nhất của Mỹ, xuất khẩu thủy sản sang Mỹ có nhiều đối thủ cạnh tranh với ta như: Indonesia, Canada, Trung Quốc&thị phần thủy sản Việt nam trên thị trường

Mỹ còn rất khiêm tốn. Đó là một đòi hỏi, thách thức rất lớn đối với nhà hoạch định chiến lược của Việt nam.

1.1.2 Những thách thức của ngành thủy sản Việt nam

Để phát triển ngành thủy sản một cách bền vững và có hiệu quả cao chúng ta cần phải nhận thức rõ những thách thức đang đặt ra, đó là:

- Quá dư thừa lao động ở các vùng ven biển, nguồn nhân lực còn ít được đào tạo, cuộc sống vật chất thiếu thốn là sức ép rất lớn cả về kinh tế xã hội và môi trường sinh thái đối với nghề khai thác hải sản .
- Cơ sở hạ tầng yếu, chưa đồng bộ với trình độ công nghệ lạc hậu trong khai thác, nuôi trồng, chế biến dẫn đến năng suất và hiệu quả kinh tế thấp .
- Công nghệ sản xuất thủy sản của Việt nam nhìn chung còn rất lạc hậu so với đối thủ cạnh tranh .
- Những đòi hỏi rất cao và ngày càng chặt chẽ về yêu cầu vệ sinh và chất lượng sản phẩm thủy sản của các nước nhập khẩu .
- Sự hội nhập quốc tế với sự mở cửa hàng rào thuế quan, sự gia tăng dân vị thế của thủy sản Việt nam trên trường quốc tế sẽ tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt, với nhiều phương thức khác nhau trên thị trường thế giới và ngay cả trên thị trường Việt nam .
- Môi trường cho phát triển thủy sản là môi trường hết sức linh hoạt và nhạy cảm. Việc phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch, không chú ý bảo đảm các điều kiện an toàn sinh thái và an toàn vệ sinh thức phẩm sẽ dẫn đến nhiều hậu quả rất nghiêm trọng có tính chất lâu dài về môi trường, thị trường và xã hội .

1.2 Chủ trương phát triển ngành thủy sản hướng về xuất khẩu

Quán triệt đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng trên tinh thần tiếp tục đẩy nhanh công cuộc đổi mới của đất nước, để góp phần thực hiện được các mục tiêu kinh tế — xã hội đề ra, đảm bảo cho ngành thủy sản hội nhập được với kinh tế khu vực và thế giới, ý thức được yêu cầu gắn kết giữa phát triển sản xuất đa dạng với bảo vệ chủ quyền vùng biển và an ninh quốc phòng ngành thủy sản Việt nam đã lấy xuất khẩu làm động lực phát triển , coi xuất khẩu là hướng phát triển mũi nhọn và ưu tiên số một, lấy các thị trường các nước có nền kinh tế phát

triển cao (Bắc Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc và Mỹ) là các thị trường chính. Chủ trương này được thể hiện cụ thể trong các vấn đề sau:

- Không ngừng tăng phần đóng góp của ngành thủy sản vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội đất nước bằng việc tăng cường xuất khẩu, gia tăng thu nhập ngoại tệ và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.
- Đưa ngành thủy sản trở thành một ngành kinh tế được công nghiệp hoá và hiện đại hoá có luận cứ khoa học chắc chắn cho phát triển thủy sản và áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại tiên tiến và thích hợp, nhằm không những tạo ra hiệu quả kinh tế cao, phát triển những lợi thế so sánh mà còn góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hoá đất nước.
- Xây dựng một ngành thủy sản được quản lý tốt nhằm đạt được sự phát triển ổn định, bền vững cho hiện nay và trong tương lai. Nguồn lợi hải sản tự nhiên của Việt nam đã bị khai thác quá mức đối với vùng ven biển và gần bờ, phần gia tăng sản lượng khai thác chỉ có thể trông cậy vào việc khai thác xa bờ, nhưng sự khai thác này cũng chỉ có giới hạn do tính hiệu quả không cao. Do vậy phương án được lựa chọn là chỉ giữ sản lượng khai thác của nước ta ổn định ở mức $1.200.000 \div 1.400.000$ tấn, với việc giảm sản lượng khai thác vùng ven biển và gần bờ đồng thời tăng dần sản lượng khai thác ở các vùng biển xa bờ để bù đắp số sản lượng bị suy giảm do hạn chế dần việc khai thác gần bờ. Nuôi trồng thủy sản sẽ trở thành ngành sản xuất nguyên liệu chủ yếu và sản lượng của ngành nuôi trồng phải vươn lên chiếm khoảng 60% tổng sản lượng thủy hải sản trong tương lai.

Những chỉ tiêu định hướng của ngành thủy sản đến năm 2010 được hoạch định như sau:

- Không tăng sản lượng khai thác trong các thời kỳ 2003- 2010, giữ mức dao động xung quanh 1.400.000 tấn/ năm(ở đây chỉ tính riêng cho cá mực). Tăng nhanh sản lượng nuôi trồng thủy sản từ 10%-15%.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ trung bình khoảng 10%-15%/ năm , trong giai đoạn 2000 — 2005 tăng khoảng 12%-15%, giai đoạn 2005-2010 tăng khoảng 10%-12%/năm. Giá trị xuất khẩu tương ứng là 3,0-3,5 tỷ USD(năm 2005) và 4,5 —5 tỷ USD năm 2010.

Thể hiện ở bảng 1:

Bảng 1

Năm	2003	2005	2010
Đề mục			
I. Tổng sản lượng (tấn)	2.490.000	2.550.000	3.400.000
Trong đó:			
1. Sản lượng nuôi (tấn)	1.090.000	1.150.000	2.000.000
- Thuỷ sản nước ngọt	568.720	600.000	870.000
- Tôm	213.270	225.000	420.000
- Cá biển	53.057	56.000	200.000
- Nhuyễn thể	175.355	185.000	380.000
- Thuỷ sản khác	79.598	84.000	130.000
2. sản lượng khai thác(tấn)	1.400.000	1.400.000	1.400.000
- Khai thác gần bờ.	700.000	700.000	700.000
- Khai thác xa bờ.	700.000	700.000	700.000
Bao gồm:			
- Sản lượng cá.	1.230.000	1.230.000	1.230.000
- Sản lượng mực.	120.000	120.000	120.000
- Sản lượng tôm	50.000	50.000	50.000
II. Kim ngạch xuất khẩu(nghìn USD)	2.300	3.000	4.500

Để duy trì và phát triển ngày càng nhiều sản phẩm từ thủy hải sản có giá trị kinh tế cao cho các thị trường trong nước và quốc tế, chống lại sự giảm sút của nguồn lợi biển tăng khả năng phục hồi tự nhiên của các nguồn lợi biển nhưng vẫn duy trì được tốc độ phát triển cao, phát triển ngành thủy sản hướng về xuất khẩu cần tiến hành các hoạt động sau:

- Đánh bắt thủy sản: để phát triển lâu dài và ổn định nguồn nguyên liệu đánh bắt, Việt nam cần tăng cường đầu tư vào điều tra có hệ thống các nguồn lợi thủy sản, xây dựng bản đồ phân bố biến động các đàn cá trên các ngư trường, phát triển các đội tàu công suất lớn, trang thiết bị và đào tạo kỹ thuật đánh bắt cá đại dương làm cơ sở cho đánh xa bờ, kỹ thuật bảo quản, mở rộng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ cho đánh bắt.

- Nuôi trồng thủy sản: phát triển ngành nuôi trồng thủy sản nước lợ với việc ưu tiên chiến lược cho nuôi phục vụ xuất khẩu, nhất là nuôi tôm, cá biển và nhuyễn thể. áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, tăng giá trị xuất khẩu. Cần chú ý xây dựng các trại giống thủy sản, nhà máy sản xuất thức ăn, cải tạo và hiện đại hoá các vùng nuôi trồng quảng canh và bán thâm canh, phát triển các vùng nuôi trồng công nghiệp, phát triển công nghệ và đa dạng hoá nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước mặn, nước lợ, phòng chống sẽ là những trọng điểm mà ngành thủy sản cần quan tâm trong vài năm tới.
- Chế biến thủy sản xuất khẩu: Đa dạng hoá các mặt hàng chế biến cho xuất khẩu, đồng thời phải đầu tư cho chế biến thủy sản đạt tiêu chuẩn quốc tế (HACCP). Việc xây dựng các nhà máy chế biến hiện đại phải theo kịp tốc độ phát triển sản lượng thủy sản nhằm nâng cao giá trị hàng hoá xuất khẩu, phải giảm dần tỷ lệ xuất khẩu thủy sản thô tránh hiện tượng lãng phí nguồn lợi thủy sản do yếu kém trong khâu này.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu: Việt nam cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tranh thủ sự hợp tác giúp đỡ về vốn, công nghệ, trong các lĩnh vực khai thác, chế biến thủy sản, đào tạo và chuyển giao kinh nghiệm quản lý và phát triển thị trường & Công tác Marketing quốc tế cho lĩnh vực thủy sản luôn cần có sự tham gia tích cực của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Bộ thương mại & như tổ chức và tham gia các hội chợ thương mại về thủy sản tại Việt nam hay tại các thị trường tiềm năng (EU, Mỹ, Nhật bản, Trung Quốc &) nhằm giới thiệu các sản phẩm thủy sản Việt nam.
- Các chính sách của Chính phủ: Chính phủ cần sớm hoàn thiện các luật và chính sách bảo vệ nguồn lợi tự nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển lĩnh vực thủy sản; các chính sách hỗ trợ đầu tư, chính sách đẩy mạnh xuất khẩu, bảo lãnh tín dụng, bảo hiểm xuất khẩu &

Với lợi thế tự nhiên to lớn và sự quan tâm của chính phủ cùng sự năng động chung của toàn bộ nền kinh tế, ngành thủy sản Việt nam có đủ khả năng để đứng trong hàng ngũ 10 quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới vào năm 2010.

1.3 Thị trường thủy sản quốc tế và những cơ hội cho xuất khẩu thủy sản Việt nam